TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/08/2023
V/v:*" Không công nhận quan hệ vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q , TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Vi Ngọc Trung

2. Bà: Lương Thị Diện

- Thư ký toà án ghi biên bản: Ông Nguyễn Trọng Tiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Q , tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Trường - Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Q , tỉnh Thanh Hóa

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q , tỉnh Thanh Hoá, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2023/TLST- HNGĐ, ngày 19/6/2023 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*." Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST, ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Q giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị N , sinh năm 1993.

Nơi ĐKHKTT: Bản B , xã T , huyện Q , tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Mùa A X , sinh năm 1992.

Nơi ĐKHKTT: Bản B , xã T , huyện Q , tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện tại: Đội 35, phân trại I, trại giam Y , Cục C10, Bộ Công An (Địa chỉ: Xã H , Huyện P , tỉnh S).

Người phiên dịch: Anh Giàng A L , sinh năm 1984 - Dân tộc: Mông

Nghề nghiệp: Cán bộ - UBND xã T , huyện M , Thanh Hóa

Nguyên đơn, bị đơn và người phiên dịch có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện; bản tự khai; Biên bản hòa giải và quá trình giải quyết. Nguyên đơn Giàng Thị N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mùa A X tự do tìm hiểu, yêu đương, không bị ai ép buộc, hai người hoàn toàn tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2009, không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Cưới xong, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài. Đến năm 2015, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người mỗi ý, dẫn đến không tìm được nói chung trong hôn nhân, vợ chồng thường xuyên cãi vả lẫn nhau, anh Mùa A X không quan tâm đến gia đình, vợ con, không chịu chăm lo gia đình, vợ con. Tuy đã đã được gia đình hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được. Anh còn bỏ nhà đi mua bán ma túy và vi phạm pháp luật, năm 2018 anh bị kết án, hiện tại anh đang chấp hành án phạt 08 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" tại Trại Giam Y , Cục C10, Bộ Công An nên chị và anh Mùa A X đã sống ly thân, từ khi sống ly thân chị cũng có thăm nuôi anh X , cũng thời gian này chị thấy bản thân không còn tình cảm vộ chồng với anh X nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị và anh Mùa A X ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Mùa A X có 03 con chung, tên các cháu là Mùa Thị V , sinh ngày 12/08/2010; Giàng Thị Chi N , sinh ngày 12/07/2012, Mùa Vinh D , sinh ngày 19/03/2016; Cả 03 cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Chị N cũng có nguyên vọng muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 cháu, cho đến khi từng cháu trưởng thành. Không yêu cầu anh Mùa A X cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nu tự nguyện nộp án phí theo quy định.

*** Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, tại phiên hòa giải bị đơn Mùa A X trình bày:**

Về Hôn nhân: Anh đã được nhận đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp, anh thấy chị Giàng Thị N trình bày là đúng hoàn toàn sự thật, anh chị đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai và anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định. Lúc đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau,

bất đồng quan điểm sống, bản thân anh đã vi phạm pháp luật, năm 2018 anh bị kết án, hiện tại anh đang chấp hành án phạt 08 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" tại Trại Giam Y , Cục C10, Bộ Công An. Nay vợ nhất quyết muốn ly hôn anh không đồng ý, vì anh vẫn còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh đồng ý với trình bày của chị Giàng Thị N , anh chị có 03 con chung như chị N đã trình bày, hiện nay các cháu đều khỏe mạnh. Nay các cháu có nguyên vọng muốn được ở với mẹ là chị N và chị N cũng có nguyện vọng muốn nuôi con, nên anh đồng ý để các con chung của anh, chị cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự đã tham gia đầy đủ các bước tố tụng, nên các đương sự chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Chị Giàng Thị N và anh Mùa A X đã chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc từ năm 2009, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung, tên các cháu là Mùa Thị V , sinh ngày 12/08/2010; Giàng Thị Chi N , sinh ngày 12/07/2012, Mùa Vinh D , sinh ngày 19/03/2016. Cả 03 cháu đều có bản nguyện vọng muốn ở với mẹ, chị Nu cũng có nguyện vọng muốn được nuôi cả 03 cháu, anh Xìa cũng đồng ý cho chị Nu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con, nên chấp nhận thỏa thuận này của chị N và anh X là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên chấp nhận đề nghị này.

Về án phí: Chị Giàng Thị N tự nguyện nộp 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

Đề nghị áp dụng:

Điều 146, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148 Bộ luật Dân sự; Điều 9, điều 11 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật HN&GĐ năm 2014;

Điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X;

Khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Giàng Thị N và anh Mùa A X là vợ chồng.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu Mùa Thị V , sinh ngày 12/08/2010; Giàng Thị Chi N , sinh ngày 12/07/2012, Mùa Vinh D , sinh ngày 19/03/2016 cho chị Giàng Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Mùa A X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí và kháng cáo: Chị Giàng Thị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy, chị Giàng Thị N và anh Mùa A X đều có địa chỉ tại: Bản Buốc Hiềng, xã T , huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Q , tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án này.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khaoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là "*Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Giàng Thị N là nguyên đơn, anh Mùa A X là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, thì người tiến hành luôn tiến hành đầy đủ các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ án; triệu tập ghi lời khai; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải..... theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã tống đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng. Các đương sự luôn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án; Tại phiên tòa, anh X và chị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn Giàng Thị N và bị đơn Mùa A X .

[4] Về Hôn nhân: Chị Giàng Thị N và anh Mùa A X được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2009, theo phong tục tập quán địa phương, không đăng ký kết hôn, đến nay đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn theo luật định.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì *"Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng Luật về Hôn nhân và Gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết"*.

Như vậy, tại thời điểm xác lập quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị Chị Giàng Thị Nu và anh Mùa A X (Năm 2009) thì pháp luật được áp dụng để giải quyết là Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc Chị Giàng Thị N và anh Mùa A X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nay là Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý.*

Nam nữ không đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng".

Đối chiếu với quy định pháp luật thấy rằng: Tại điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định*

của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu luật cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng".

Vì vậy, chị Giàng Thị N và anh Mùa A X phải đi đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì: Tại khoản 1 Điều 14 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....."*

Khoản 2 Điều 53 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...."*

Do vậy, quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị Giàng Thị N và anh Mùa A X phải được giải quyết bằng bản án và tuyên bố anh chị không phải là vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị HĐXX không công nhận chị Giàng Thị N và anh Mùa A X là vợ chồng. Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 03 con chung là các cháu Mùa Thị V , sinh ngày 12/08/2010; Giàng Thị Chi N , sinh ngày 12/07/2012, Mùa Vinh D , sinh ngày 19/03/2016. Quá trình giải quyết chị Nu có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 cháu, cả 03 cháu cũng đều có bản nguyện vọng muốn được ở với mẹ và anh X cũng đồng ý với nguyện vọng của chị N và các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo cuộc sống của các cháu về việc học tập của các cháu và sự thỏa thuận của các đương sự, nên giao cả 03 cháu cho chị Giàng Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với tâm lý và nguyện vọng của cháu.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung, do anh X đang chấp hành án phạt tù trong trại giam. Nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Giàng Thị N phải nộp án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[9] Kiến nghị: Đề nghị UBND và Công an xã T , huyện Quan Hóa làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật; Kiến nghị đến UBND xã Trung Thành, huyện Quan Hóa cần phổ biến tuyên truyền pháp luật về hôn nhân gia đình cho người dân, đặc biệt là bộ phận đồng bào là người dân tộc thiểu số tại địa phương.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 Điều 210, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148 Bộ luật Dân sự;

Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Điều 9, Điều 11, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88 Luật HN&GĐ năm 2014;

Điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X;

Khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị N .

1.1. *Về Hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị N và anh Mùa A X

1.2. *Về nuôi con chung*: Giao các cháu Mùa Thị V , sinh ngày 12/08/2010; Giàng Thị Chi N , sinh ngày 12/07/2012; Mùa Vinh D , sinh ngày 19/03/2016 cho chị Giàng Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 cháu cho đến khi từng cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Mùa A X có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Mùa A X không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Anh X và chị N đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Giàng Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0013888 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị Giàng Thị N đã thi hành xong phần án phí HNGĐ sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn và Người phiên dịch cho nguyên đơn. Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh T ;
- VKSND huyện Q ;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T , H. Q ;
- Chi cục THSDS huyện Q ;
- Lưu HS.